

QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG LẠI LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

PHẠM TRÍ MINH



Một xóm nhà ở của xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ Tĩnh chuyển lên sườn đồi để giải phóng ruộng đất canh tác.

Bố trí lại lao động và dân cư là một trong những biện pháp lớn mà Nghị quyết 2 của Trung ương Đảng đã đề ra, nhằm thực hiện nhiệm vụ trung tâm của cả nước về phát triển nông nghiệp. Nghị quyết chỉ rõ: phải “phân bố lại lao động và tổ chức tốt lao động trong từng hợp tác xã và trên địa bàn huyện để thâm canh, tăng vụ, phát triển toàn diện trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, mở mang thủy lợi, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới.”

Việc phân bố lại hàng triệu lao động giữa các vùng là một sự nghiệp vô cùng to lớn, một công tác rất khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải

có sự chỉ đạo chặt chẽ của Nhà nước, phải có các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và tổ chức thực hiện chu đáo.

Nhìn chung, làng xóm của ta hiện nay rất mạnh mún, phân bố rất lộn xộn, tạo thành một thể xen canh xen cư rất không thuận lợi cho việc tiến hành cơ giới hóa, thủy lợi hóa, khoa học hóa nông nghiệp. Thông thường, hiện nay trong một huyện có hàng trăm điểm dân cư, thậm chí một số huyện ở vùng đồng bằng sông Hồng có trên một nghìn điểm dân cư; trong một xã cũng có tới hàng chục điểm dân cư,

phần lớn là những điểm dân cư nhỏ bé chỉ có mấy chục hộ, thậm chí chỉ có một vài hộ.

Động lực chủ yếu làm thay đổi hình thái phân bố dân cư ở nông thôn nước ta là sự thay đổi của *phương thức canh tác* trên đồng ruộng và *cách tổ chức đời sống* trong từng hợp tác xã.

Muốn đáp ứng được những yêu cầu trên, phải quy hoạch lại mạng lưới dân cư nông thôn theo hướng tập trung, từng bước xóa bỏ những điểm dân cư bất hợp lý, như :

— Những điểm dân cư có lao động và số dân quá ít, không tổ chức được một đội sản xuất (là đơn vị lao động tập thể nhỏ nhất), và cũng không xây dựng được các công trình phục vụ như nhà trẻ, mẫu giáo (là những công trình phục vụ cần phải có trong từng đơn vị dân cư bé nhất);

— Những điểm dân cư ở phân tán rải rác trên đồng ruộng, gây trở ngại cho việc tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh, và gây trở ngại cho việc hoàn chỉnh thủy nông, đưa cơ giới vào đồng ruộng, thực hiện điện khí hóa nông thôn...

Việc xóa bỏ, di chuyển các loại điểm dân cư bất hợp lý nói trên cần phải tiến hành trên cơ sở một quy hoạch được tính toán cân nhắc nhiều mặt về sản xuất, đời sống, kinh tế, xã hội. Cần tránh các khuynh hướng gò ép, hình thức, nóng vội cũng như giáo điều sách vở.

Đối với các huyện *vùng đồng bằng phía bắc*, có mật độ dân số quá cao, làng xóm dày đặc, diện tích canh tác bình quân đầu người quá thấp, thì cần quy hoạch cải tạo lại mạng lưới dân cư theo hướng: xóa bỏ những chòm xóm nhỏ ở phân tán rải rác trên đồng ruộng, kết hợp với xây dựng địa bàn cho cơ giới và đưa bớt người đi mở mang các khu kinh tế mới.

Đối với các huyện *vùng đồng bằng phía nam*, bố trí lại dân cư phải gắn liền với thực hiện hợp tác hóa, thủy lợi hóa, chuẩn bị địa bàn tiến nhanh lên cơ giới hóa, đồng thời cần kết hợp những ưu thế của hình thức phân bố dân cư ở tập trung và bám theo các trục đường giao thông, sông ngòi kênh rạch.

Đối với các huyện *trung du, miền núi*, phải chỉ đạo tốt việc bố trí lại làng bản theo hướng: tận dụng đất dốc đồi ở, dành đất bằng phẳng để canh tác, kết hợp với tiếp nhận thêm lao động đưa từ vùng đồng bằng lên để mở rộng diện tích canh tác. Một số huyện miền núi còn có tình trạng du canh, du cư, thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quy hoạch bố trí lại các điểm dân cư là phải xác định các khu định cư lâu dài cho nhân dân, là phải có chính sách chế độ thích hợp, trên

cơ sở tiến hành cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng sâu sắc.

Đối với các vùng *khai hoang, khu kinh tế mới*, ngay từ đầu đã phải có quy hoạch bố trí dân cư cho phù hợp với yêu cầu tổ chức sản xuất và đời sống theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tránh để nhân dân xây dựng tự phát thành các chòm xóm nhỏ ở rải rác và chiếm mất nhiều đất canh tác rồi sau lại phải cải tạo lại.

Thời gian tới, chúng ta sẽ sắp xếp lại *khoảng 15 vạn điểm dân cư nông thôn như hiện nay* (trung bình mỗi huyện có trên dưới 300 điểm và một điểm dân cư có khoảng 250 người), *gom lại còn chừng độ 1,5 — 2 vạn điểm dân cư có quy mô lớn hơn, được phân bố tương đối đồng đều giữa các vùng, trung bình mỗi huyện còn độ 3 — 4 chục điểm dân cư*, mỗi xã, hợp tác xã 1 — 2 điểm dân cư, và mỗi điểm dân cư có khoảng 2 — 3 nghìn người, xấp xỉ bằng số dân của một tiểu khu trong thành phố, tương đối thuận tiện cho việc xây dựng các công trình phục vụ công cộng và trang bị kỹ thuật.

..

Công tác cải tạo thôn xóm làng bản, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa có một *vị trí hết sức quan trọng đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp*, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, cải thiện đời sống cho hàng chục triệu người ở nông thôn. Nghị quyết 2 của Trung ương đã chỉ rõ: phải « Kết hợp quy hoạch sản xuất với quy mô dân cư, xây dựng nông thôn mới ».

Công tác xây dựng nông thôn mới bao gồm nhiều mặt: xây dựng nhà ở, các công trình văn hóa phúc lợi công cộng, cải tạo ao hồ, đường sá, trồng cây xanh, thực hiện điện khí hóa nông thôn...

Hiện nay, không ít số hộ nông dân đã có nhà gạch ngói. Trong những năm tới, số hộ làm nhà gạch ngói sẽ tăng lên rất nhiều, làm cho việc cải tạo xây dựng nhà ở nông thôn sẽ trở thành một phong trào quần chúng có quy mô rộng lớn và phát triển với một nhịp độ rất nhanh. Theo tính toán sơ bộ, hiện nay mới có khoảng 2 triệu trong số 7 triệu hộ nông dân có nhà gạch ngói, và nếu muốn phần đầu đề trong vòng 15 — 20 năm tới sao cho tất cả các hộ nông dân đều có nhà gạch ngói thì phải cải tạo và xây dựng mới thêm hơn 5 triệu ngôi nhà nữa. Tính ra trung bình mỗi năm phải xây dựng hơn 300 000 ngôi nhà, tức là cứ mỗi ngày lại mọc thêm 1 000 ngôi nhà mới bằng gạch ngói ở nông thôn! Hơn nữa, vấn đề đặt ra là: đi đôi với việc xây dựng cho thật nhanh, thật nhiều những ngôi

« Trước hết, cần quan niệm rằng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một nền sản xuất mà quy mô phát triển và phân công của nó vượt ra ngoài khuôn khổ từng vùng, từng địa phương, nhằm đáp ứng nhu cầu cả nước, cả dân tộc, xóa bỏ tính chất tự cấp tự túc hẹp hòi.

Cả nước là một công xưởng khổng lồ. Cả dân tộc là một thị trường thống nhất. Mỗi người lao động là những tế bào của sự phân công lao động xã hội, mỗi đơn vị kinh tế là một khâu trong hệ thống sản xuất xã hội... ».

LÊ DUÂN

(Ra sức phấn đấu xây dựng nền
nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa).

nhà bằng gạch ngói, ta còn phải tiến hành cả một cuộc cách mạng về cách ăn ở ở nông thôn cho phù hợp với những yêu cầu mới của sản xuất và đời sống theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng, tình hình trên đòi hỏi phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của Nhà nước đối với những đề án quy hoạch xây dựng nhà cửa ở nông thôn, nếu không, nông dân sẽ xây dựng một cách tự phát, tùy tiện, lộn xộn, gây ra nhiều khó khăn trở ngại cho công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Khác với các công trình sản xuất và công trình công cộng thuộc sở hữu toàn dân và tập thể, được xây dựng bằng vốn của Nhà nước hay của hợp tác xã, nhà ở nông thôn thuộc quyền sở hữu riêng của nông dân, do nông dân tự bỏ tiền ra xây dựng, cho nên, nếu biết hướng dẫn họ xây dựng một cách có tổ chức, có kỹ thuật, và theo quy hoạch, thì sẽ phát huy được sự đóng góp to lớn của quần chúng vào sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, làm cho công tác xây dựng nông thôn ở nước ta sẽ phát triển nhanh chóng mà Nhà nước không cần đầu tư nhiều.

Mặt khác, cần chú ý tới đặc điểm là, chỗ ở của nông dân ta không đơn thuần chỉ là ngôi nhà để ở, mà còn là nơi tiến hành một số hoạt động sản xuất phụ, như trồng trọt trong vườn, chăn nuôi gia đình, làm một số nghề thủ công...

Xuất phát từ tình hình đặc điểm trên, việc chỉ đạo xây dựng nhà ở nông thôn cần nhằm vào mấy nội dung chủ yếu sau đây :

Một là, hướng dẫn việc bố trí sắp xếp các công trình xây dựng trên khu đất của từng hộ nông dân sao cho khoa học, đảm bảo vừa tiết kiệm đất vừa tổ chức được đời sống gọn

gàng, vừa cho phép phát triển kinh tế phụ gia đình một cách thỏa đáng, theo đúng chính sách của Nhà nước.

Hai là, hướng dẫn quy hoạch sử dụng đất đai trong thôn xóm cho hợp lý, đảm bảo hết sức tiết kiệm đất canh tác, quy định tiêu chuẩn đất ở vừa phải cho một hộ, phù hợp với đặc điểm của từng vùng: đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển...

Ba là, hướng dẫn nhân dân làm nhà ở theo các mẫu cải tiến. Nhà ở nông thôn hiện nay xây dựng còn nhiều mặt chưa hợp lý, có nơi còn chịu ảnh hưởng của những tàn dư tập quán mê tín, dị đoan. Cho nên, cần xúc tiến khẩn trương công tác nghiên cứu thiết kế mẫu các kiểu nhà ở mới cho nông thôn, cải tiến những kiểu nhà dân gian và hướng dẫn cho nông dân xây dựng. Nên thiết kế nhiều kiểu nhà: một tầng, hai tầng, nhà xây, nhà lắp ghép, nhà một hộ đơn, nhà ghép chung nhiều hộ..., và thiết kế cho nhiều vùng khác nhau. Các kiểu thiết kế phải đơn giản, phù hợp với vật liệu địa phương để nông dân có thể thực hiện được.

Bên cạnh đó, việc xây dựng các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng cũng là một công tác quan trọng.

Hiện nay, các hợp tác xã đã tự xây dựng được các công trình văn hóa công cộng, một số xã còn xây dựng được cả trường học, nhà văn hóa hai tầng, đó là điều đáng khuyến khích. Tuy nhiên, do trình độ của xã, hợp tác xã còn bị hạn chế, nên những công trình do xã, hợp tác xã tự « thiết kế » lấy còn bộc lộ nhiều nhược điểm. Vì vậy cần phải sớm có những kiểu thiết kế mẫu, kể cả những kiểu nhà hai ba tầng cho các loại công trình văn hóa công cộng ở nông thôn, để phổ biến cho các địa

phương. Một số công trình như: trụ sở làm việc, trường học, nhà văn hóa, thư viện, câu lạc bộ... nên xây dựng *cao lằng, hợp khối và tập trung* vào một khu để tiết kiệm đất và nhanh chóng làm hình thành khu trung tâm của xã — hợp tác xã, tạo ra bộ mặt kiến trúc đẹp cho nông thôn.

Một nhiệm vụ quan trọng khác trong công tác xây dựng nông thôn mới là phải *từng bước thực hiện điện khí hóa nông thôn*. Ở miền núi, nên phát triển mạnh thủy điện nhỏ. Quy hoạch điện khí hóa nông thôn phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch cải tạo, bố trí lại mạng lưới dân cư.

Ngoài hệ thống điện, ánh sáng và các cụm máy cơ khí nhỏ còn cần phát triển rộng rãi mạng lưới điện truyền thanh, thông tin ở nông thôn để giảm nhẹ những công việc lao động nặng nhọc, nâng cao đời sống văn hóa cho nhân dân, phổ biến sâu rộng đường lối chính sách của Đảng xuống quần chúng và làm phương tiện cho việc chỉ đạo công việc sản xuất được nhanh chóng, kịp thời.

Mặt khác, việc *trồng cây xanh* là một bộ phận không thể thiếu được trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới, có vị trí hết sức quan trọng trong điều kiện khí hậu nhiệt đới của nước ta. Trồng cây xanh trong thôn xóm cần kết hợp giải quyết nhiều yêu cầu, như lấy gỗ, lấy củi, ăn quả, cải thiện khí hậu, cách ly, trang trí và phải gắn liền một cách hữu cơ với quy hoạch trồng cây phòng hộ ngoài đồng ruộng. Cần phát động rộng rãi một phong trào trồng cây ở nông thôn, hướng dẫn nhân dân trồng cây trong từng gia đình, trong khu công cộng, khu sản xuất ở ven đường, ven hồ ao một cách có tổ chức và theo quy hoạch.

Việc phân bố lại lao động — dân cư, xây dựng nông thôn mới và phát triển sản xuất nông nghiệp, đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, *không thể tách rời khỏi việc xây dựng cấp huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp*. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã chỉ rõ: «*Xây dựng huyện vững mạnh, thật sự trở thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp; lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động một cách cụ thể và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp, kinh tế toàn dân với kinh tế tập thể, công nhân với nông dân*».

Việc xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông-công nghiệp đòi hỏi phải xây dựng, không chỉ những cơ sở vật chất-kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, mà còn phải xây dựng trên địa bàn huyện những cơ sở sản xuất công nghiệp và những điểm dân cư mang tính chất *đô thị* — đó là *thị trấn huyện lỵ*, các *thị trấn nông, lâm trường, thị trấn khu kinh tế mới*,

thị trấn trung tâm liên xã, trung tâm các tiểu vùng hoặc các liên doanh sản xuất.

Như vậy, quá trình từng bước xây dựng cấp huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp *sẽ kéo theo quá trình hình thành và phát triển một mạng lưới thị trấn phục vụ nông — công nghiệp*, đồng thời đó cũng là những trung tâm văn hóa ở nông thôn, trong đó huyện lỵ với chức năng là thủ phủ của cấp huyện có một vị trí đặc biệt quan trọng.

Trước đây, với một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ là chủ yếu, cấp huyện chỉ là một cấp hành chính, trên cơ sở đó huyện lỵ cũng chỉ là một trung tâm hành chính. Việc kiện toàn và tăng cường cấp huyện thành cấp vừa quản lý hành chính, vừa quản lý kinh tế, làm *thay đổi hẳn tính chất của huyện lỵ*, biến huyện lỵ từ một trung tâm hành chính đơn thuần trở thành trung tâm tổng hợp nhiều mặt của huyện, và là cứ điểm của Nhà nước và giai cấp công nhân để tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Để làm được các chức năng nhiệm vụ như trên, cần phải xây dựng ở huyện lỵ nhiều loại công trình bao gồm:

— Trước hết, là các cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể, các cơ quan hành chính sự nghiệp và quản lý kinh tế, chỉ đạo sản xuất.

— Thứ hai, phải xây dựng ở huyện lỵ các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, thương nghiệp... có quy mô phục vụ được cho toàn huyện hoặc cho nhiều xã. Việc xây dựng tương đối đầy đủ các công trình văn hóa và dịch vụ công cộng ở huyện lỵ sẽ làm cho thị trấn huyện lỵ phát triển trở thành đô thị và làm cho quá trình đô thị hóa bành trướng, vừa nhanh chóng, vừa rộng khắp, trên tất cả các vùng nông thôn của đất nước.

— Thứ ba, phải xây dựng ở huyện lỵ một số cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, như sản xuất nông cụ, sửa chữa cơ khí, chế biến nông sản — thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, làm một số mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu... Việc xây dựng ở huyện lỵ các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sẽ góp phần quan trọng tạo ra cơ cấu kinh tế nông — công nghiệp cho cấp huyện và làm cho huyện lỵ phát triển trở thành thị trấn hay đô thị nhỏ mang tính chất *sản xuất* chứ không phải chỉ là trung tâm hành chính như trước đây.

— Ngoài ra còn phải xây dựng ở huyện lỵ các trạm trại phục vụ nông nghiệp, như trạm cơ khí và sửa chữa, trạm cung ứng vật tư, một số trạm trại cung cấp giống cây trồng và giống gia súc, trạm thú y, trạm bảo vệ thực vật... và các công trình phục vụ lưu thông,

phân phối như trạm thu mua nông, lâm, hải sản, cửa hàng vật tư kỹ thuật, kho tàng, bến bãi...

Với các chức năng và cơ sở vật chất — kỹ thuật xây dựng ở huyện lỵ như trình bày ở trên, thì quy mô dân số của huyện lỵ sẽ lên tới khoảng một vài vạn người, tức là bằng độ 5 — 10% dân số trong toàn huyện. Và khi mức độ tập trung dân số lên tới hàng vạn người thì đã có được những điều kiện để xây dựng và tổ chức đời sống ở huyện lỵ theo “kiểu thành phố” — tức là ngoài một mạng lưới công trình văn hóa và dịch vụ công cộng tương đối phát triển, còn có các hệ thống kỹ thuật như hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống cống rãnh, thông tin, hệ thống đường sá được rải nhựa...

Nhiều công trình ở huyện lỵ cũng sẽ được xây dựng theo *kiểu thành phố*, như xây dựng eo tầng, xây dựng hợp khối, ghép nhiều công trình có tính chất giống nhau vào trong một ngôi nhà lớn, xây dựng tập trung thành đường phố và các khu chức năng (khu ở, khu sản xuất, khu thương nghiệp phục vụ, khu nghỉ ngơi giải trí...). Chúng ta sẽ áp dụng một cách thích hợp và sáng tạo các lý thuyết tiên tiến hiện đại về quy hoạch đô thị để xây dựng 500

huyện lỵ của nước ta trở thành 500 *thành phố nhỏ xinh đẹp*, có điều kiện sản xuất và sinh hoạt thuận tiện, gắn bó mật thiết với nông thôn và làm cứ điểm để tiến hành ba cuộc cách mạng ở nông thôn.

Quy hoạch xây dựng tốt mạng lưới các thị trấn phục vụ nông công nghiệp trên lãnh thổ cả nước, bao gồm 500 thị trấn huyện lỵ và hàng nghìn thị trấn nông trường, lâm trường, thị trấn khu kinh tế mới, thị trấn trung tâm liên xã, trung tâm các tiểu vùng hoặc các liên doanh sản xuất, là vấn đề *có tầm quan trọng chiến lược*, nó không những góp phần tích cực vào việc xây dựng cấp huyện thành đơn vị kinh tế nông — công nghiệp, nhanh chóng đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn, mà còn có tác dụng gắn liền công nghiệp với nông nghiệp trên quy mô cả nước, củng cố vững chắc khối công — nông liên minh, đồng thời làm cho thành thị — nông thôn cùng phát triển hài hòa cân đối, gắn bó hữu cơ với nhau và hỗ trợ bổ sung cho nhau, tạo ra một thể phân bố chiến lược mới trên tất cả các vùng của đất nước, vừa thuận lợi cho xây dựng kinh tế, vừa củng cố quốc phòng vững mạnh, vừa nhanh chóng xóa bỏ được sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn.

Suy nghĩ về vấn đề năng lượng phục vụ nông nghiệp

(Tiếp theo trang 29)

các khâu chuyển hóa trung gian. Cùng một lượng nhiệt cần thiết, nếu sử dụng hai cách sẽ có hai kết quả hoàn toàn khác nhau về hiệu suất sử dụng nhiên liệu:

Trong quy hoạch phân vùng và trong kế hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, nếu biết kết hợp với công nghiệp thì mỗi vùng kinh tế sẽ có những giải pháp sử dụng nguồn nhiệt một cách hợp lý và kinh tế. Nguồn nhiệt của khói nóng các lò nung, lò sấy, lò hơi loại nhỏ cần được tận dụng. Cần phải tiến hành đo nhiệt độ khói thải và có phương án sử dụng.

Một vấn đề nữa là hiện nay ta chưa bảo đảm yêu cầu nhiệt theo thời vụ, gây tổn thất trong mùa thu hoạch nông, lâm, ngư, hải sản. Yêu cầu bức thiết là phải có một số cơ sở cố

định và nhiều thiết bị sấy di động để linh hoạt phục vụ sơ chế nông sản trong vụ thu hoạch: sấy lúa, sấy cá, sấy ngô v.v...

Việc kế hoạch hóa các khâu vận tải, phân phối nhiên liệu theo đúng yêu cầu thời vụ của nông, ngư nghiệp đóng vai trò rất quan trọng. Hoặc là cung cấp nhiên liệu đúng thời vụ mang lại hiệu quả kinh tế cao, hoặc vận tải, phân phối trì trệ quá thời vụ, gây tổn thất lớn cho nông, ngư nghiệp và tạo điều kiện cho việc sử dụng than, dầu sai mục đích phân phối của Nhà nước.

Mặt khác, nếu chú ý cải tạo thiết bị đốt để có thể dùng hai loại nhiên liệu khác nhau: than — dầu, củi — than, khí — than v.v... với mục đích dùng thay thế nhau, thì nhu cầu nhiệt theo thời vụ sẽ dễ dàng được thỏa mãn